

Số: 906/QĐ-UBND

Lộc Bình, ngày 28 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (thực hiện dự án: Nâng cấp đoạn Km18-Km80, Quốc lộ 4B)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LỘC BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 516/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Dự án: Nâng cấp đoạn Km18-Km80, quốc lộ 4B;

Căn cứ Quyết định số 521/QĐ-SGTVT ngày 07/11/2023 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở Dự án nâng cấp đoạn Km18-Km80, Quốc lộ 4B. Hạng mục: Đoạn từ Km18-Km43;

Căn cứ vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt ngày 18/4/2025 tại Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 18/4/2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 118/TTr-KT ngày 28/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 3.802,9 m² đất của hộ ông Hoàng Văn Tân, gồm 15 thửa đất (có biểu kèm theo), tại thôn Bản Quang, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Lý do thu hồi đất: Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (thực hiện dự án: Nâng cấp đoạn Km18-Km80, Quốc lộ 4B).

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Phòng Kinh tế xã có trách nhiệm giao quyết định này cho hộ ông Hoàng Văn Tân; trường hợp hộ ông Hoàng Văn Tân không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Lộc Bình và tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư nơi có đất thu hồi.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Trang thông tin điện tử của xã.

3. Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Lộc Bình (Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) có trách nhiệm quản lý quỹ đất đã thu hồi, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện thủ tục đất đai theo quy định.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- CVP HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT, KT_(NLQ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vi Thị Phương Quỳnh

DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số: 906/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 của Chủ tịch UBND xã Lộc Bình)

STT	Theo Mảnh trích đo địa chính			Theo Bản đồ địa chính				Loại đất	Ghi chú
	Mảnh trích đo	Số thửa	Diện tích thu hồi (m ²)	Tờ bản đồ cũ	Tờ BĐ chính lý	Số thửa	Diện tích thu hồi (m ²)		
1	9-2024	728	97,4	LN01	416	726	10,1	RSX	Một phần thửa đất
						702	87,3	RSX	Một phần thửa đất
2	9-2024	92	271,0	43	361	92	271,0	CLN	Toàn bộ thửa đất
3	10-2024	179	259,0	44	362	179	259,0	LUK	Toàn bộ thửa đất
4	10-2024	185	52,0	44	362	185	52,0	HNK	Toàn bộ thửa đất
5	10-2024	186	102,0	44	362	186	102,0	HNK	Toàn bộ thửa đất
6	10-2024	189	33,6	44	362	189	33,6	HNK	Một phần thửa đất
7	10-2024	190	15,8	44	362	190	15,8	HNK	Một phần thửa đất
8	10-2024	760	815,0	LN01	416	740	12,2	RSX	Một phần thửa đất
						760	802,8	RSX	Một phần thửa đất
9	9-2024	105	132,5	43	361	105	108,5	RSX	Một phần thửa đất
				LN01	416	729	5,0	RSX	Một phần thửa đất
				LN01	416	703	19,0	RSX	Một phần thửa đất
10	9-2024	155	172,0	43	361	155	172,0	LUK	Toàn bộ thửa đất
11	9-2024	171	483,0	43	361	171	483,0	LUK	Toàn bộ thửa đất
12	9-2024	742	665,2	43	361	153	130,2	RSX	Toàn bộ thửa đất
				43	361	154	318,0	RSX	Toàn bộ thửa đất
				43	361	172	96,0	RSX	Toàn bộ thửa đất
				LN01	416	902	121,0	RSX	Một phần thửa đất
13	10-2024	714	593,4	LN01	416	714	593,4	RSX	Một phần thửa đất
14	9-2024	108	64,0	43	361	108	64,0	HNK	Toàn bộ thửa đất
15	9-2024	110	47,0	43	361	110	47,0	HNK	Toàn bộ thửa đất

